

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

LẬP LUẬN PHỨC TRONG KỊCH LƯU QUANG VŨ
LÊ THỊ TRANG*

TÓM TẮT: Lập luận có từ hai kết luận trở lên được gọi là lập luận phức. Đây là một kiểu dạng lập luận phức tạp, để hiểu được ý nghĩa lập luận một cách chính xác, có chiều sâu, đòi hỏi người đọc cần phân tích lập luận một cách kĩ lưỡng, tỉ mỉ, công phu và khoa học. Đáng chú ý là lập luận phức ẩn kết luận, để tìm được kết luận của lập luận dạng này, người nghe, người đọc phải căn cứ vào nhiều cơ sở. Lập luận phức trong kịch Lưu Quang Vũ có tính phức hợp cao được sử dụng nhiều trong các tình huống phức tạp, khó thuyết phục, góp phần diễn tả những phức tạp trong tư duy hoặc tâm trạng nhân vật. Nghiên cứu ngữ liệu cho thấy có 30,23% lập luận được sử dụng là lập luận phức với 2 kiểu dạng diễn hình.

TỪ KHOẢ: lập luận; lập luận phức; kịch; Lưu Quang Vũ; kết luận.

NHẬN BÀI: 01/04/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/06/2024

1. Đặt vấn đề

Tìm hiểu lập luận trong các tác phẩm văn học là một hướng tiếp cận mới, thông qua đó, có thể thấy các nhân vật trong tác phẩm khi tham gia hội thoại đã dẫn dắt vấn đề mình cần trình bày hay thuyết phục đối tượng mà họ đang giao tiếp như thế nào. Lập luận cũng góp phần cho thấy giá trị nghệ thuật của tác phẩm cũng như phong cách và tài năng của người sáng tác. Là một trong những tài năng rực rỡ, có tầm ảnh hưởng lớn trong nền văn học Việt Nam, Lưu Quang Vũ (1948-1988) đã giành được sự ưu ái của khán giả cũng như giới nghiên cứu kịch nói suốt những năm 80 của thế kỉ XX. Cho đến ngày nay, kịch Lưu Quang Vũ vẫn có sức hút vô cùng lớn. Với hơn năm mươi vở kịch bao quát những vấn đề nóng bỏng của cuộc sống, của con người, là kết quả của một sự lao động nghệ thuật miệt mài và tâm huyết, ông được đánh giá là “nhà viết kịch lớn nhất của thế kỉ này của Việt Nam (XX), là một nhà văn hoá” (Phan Ngọc) (Lưu Khánh Thơ, 2001, tr.149). Một trong những điều tạo nên sức sống của kịch Lưu Quang Vũ là những lập luận đầy sắc sảo, mang tầm triết lí mà cũng rất đời thường.

2. Cơ sở lí thuyết

Lập luận là một vấn đề được nghiên cứu từ lâu ở Việt Nam. Theo Nguyễn Đức Dân (1998) “*Lập luận là một hoạt động ngôn từ. Bằng công cụ ngôn ngữ, người nói đưa ra những lí lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một hệ thống xác tín nào đó: rút ra một (/một số) kết luận hay chấp nhận một (/một số) kết luận nào đó*” (Nguyễn Đức Dân, 1998, tr.165). Còn tác giả Đỗ Hữu Châu (1993) cho rằng: “*Lập luận là đưa ra những lí lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một kết luận hay chấp nhận một kết luận nào đấy mà người nói muốn đạt tới*” (Đỗ Hữu Châu, 1993, tr.155) và tiêu chí để xác định một lập luận là kết luận. “*Hễ tìm ra được một kết luận thì ta có một lập luận*” (Đỗ Hữu Châu, 1993, tr.162).

Nếu có một kết luận thì ta có một lập luận. Dựa vào số lượng kết luận, có thể phân chia lập luận thành hai loại: lập luận đơn và lập luận phức.

Lập luận đơn là lập luận chỉ có một kết luận. Các thành phần còn lại đều là luận cứ. Lập luận đơn có cấu trúc: p1, p2... → r.

Lập luận phức là lập luận có từ hai kết luận trở lên. Đây là một kiểu dạng lập luận phức tạp, muốn hiểu được ý nghĩa lập luận một cách chính xác, có chiều sâu, người đọc cần phải phân tích luận cứ một cách kĩ lưỡng, tỉ mỉ, công phu và khoa học. Đáng chú ý là, lập luận phức ẩn kết luận, theo đó, để tìm được kết luận của lập luận dạng này, người nghe, người đọc phải căn cứ vào nhiều cơ sở. Lập luận phức có biểu hiện rất đa dạng. Thông thường, kết luận có thể đứng đầu lập luận, cuối lập luận hay cũng có thể xuất hiện cả ở đầu và cuối lập luận. Các kết luận có thể cùng hiện diện hoặc lập luận

*Trường Sĩ quan Đặc công; Email: letrangsupham@gmail.com

chỉ tường minh một kết luận, còn cần người nghe, người đọc suy ra kết luận hàm ẩn khác. Theo tác giả Đỗ Hữu Châu, có hai dạng lập luận phức là:

- Dạng 1: $p1, p2... \rightarrow r1, r2... \rightarrow R$

Ở lập luận dạng 1, từ luận cứ $p1, p2...$ ta có kết luận $r1$. Kết luận $r1$ đóng vai trò là luận cứ đưa đến kết luận $r2$, cứ thế tiếp tục đến khi ta có kết luận R . Ví dụ:

Đạo Hạnh: Cuối cùng cũng phải dùng đến lưỡi gươm này (p1). Nhưng may quá, ở trên đời không chỉ có gươm đao, còn có tình yêu thương không tắt của con người (p2). Ta đã hiểu! Không thể khoanh tay ngồi yên, giữ riêng mình điều thiện (r1)! Không dung tha kẻ ác, ấy cũng là việc thiện nên làm. (R) (Luu Quang Vũ, 2013, tr.141).

- Dạng 2:

$$\left. \begin{array}{l} p1, q1... \rightarrow r1 \\ p2, q2... \rightarrow r2 \\ (...) pn, qn \rightarrow rn \end{array} \right\} R$$

Trong đó:

$p1, p2, ... pn, q1, q2, ... qn$: Là các luận cứ.

$r1, r2, ... rn$: Là các kết luận thành phần.

R là kết luận tổng thể.

Trong dạng 2 này, luận cứ $p1, q1$ hướng đến kết luận $r1$, luận cứ $p2, q2$ hướng đến kết luận $r2$, luận cứ $p3, q3$ hướng đến kết luận $r3...$ Các kết luận $r1, r2, r3...$ đều trở thành những luận cứ để hướng đến kết luận R . Ví dụ:

Lê Dũng: Muốn tiêu, quan đồn trú báo về: Giặc xem chừng sắp sửa động binh (r1), thuyền chiến lớn của chúng đã lảng vảng ngoài cửa biển (p1)... Nội gián của chúng lần lút ngay trong kinh thành này, ta chưa bắt được (q1)... Lại thêm mấy tuần qua hạn hán vẫn kéo dài (p2). Đến cả cỏ trong thành ngoài nội cũng bỗng nhiên khô héo tàn lụi (r2)... Việc cần làm nhất lúc này là giữ nước và yên dân... (R) (Luu Quang Vũ, 2013, tr.118).

Ví dụ trên bao gồm hai lập luận bộ phận: $r1 \leftarrow p1, q1$ và $p2 \rightarrow r2$, cả hai lập luận này đều dẫn đến kết luận R .

Theo quan điểm của chúng tôi, lập luận phức dạng 2, có thể phân chia thành lập luận phức thành phần luận cứ, lập luận phức thành phần kết luận, và lập luận phức cả hai thành phần luận cứ và kết luận. Nghĩa là, trong các thành phần của lập luận, tự chúng có thể là một lập luận bộ phận.

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi thống kê và phân tích 3205 lượt lời của các nhân vật trong “Tuyển tập Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Luu Quang Vũ (gồm 5 tác phẩm xuất sắc của tác giả: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Ông vua hoá hổ, Ngọc Hân công chúa, Tôi và chúng ta, Điều không thể mất*), chúng tôi xác định được 2613 lập luận. Kết quả nghiên cứu cho thấy: lập luận phức chiếm tỉ lệ 30,23% (gồm 790 lập luận).

3.1. Lập luận phức dạng 1 trong kịch Luu Quang Vũ

Đây là kiểu lập luận có cấu tạo hết sức linh hoạt, đa dạng: Các luận cứ trong lập luận bộ phận có thể cùng hướng tới một/ một vài kết luận hoặc để dẫn dắt đến một/ một vài lập luận bộ phận khác. Ngoài kiểu dạng đã được đề cập ($p1, p2 \rightarrow r1, r2$), nghiên cứu lập luận trong kịch của Luu Quang Vũ, chúng tôi đã tìm thấy các kiểu dạng lập luận phức, mà ở đó, các kết luận cũng có tính tăng bậc, có cấu tạo như sau:

$$r1 \leftarrow p1, p2... \rightarrow r2;$$

$$r1, r2 \leftarrow p...;$$

$$p1 \rightarrow r1, p2 \rightarrow r2;$$

$$p1 \rightarrow r1, r2 \leftarrow p2$$

Trong tổng số 790 lập luận phức có 378 lập luận dạng này, chiếm 47,85%.

Bảng thống kê các lập luận phức dạng 1 trong kịch Luu Quang Vũ

STT	Kiểu lập luận	Tần suất (lần)	Tỉ lệ (%)
-----	---------------	----------------	-----------

1	$r1 \leftarrow p1, p2... \rightarrow r2$	180	47,62
2	$p1, p2... \rightarrow r1, r2$	151	39,95
3	$r1, r2 \leftarrow p1, p2...$	16	4,23
4	$p1 \rightarrow r1, p2 \rightarrow r2,...$	29	7,67
5	$p1 \rightarrow r1, r2 \leftarrow p2$	2	0,53
	Tổng	378	100

Lập luận phức dạng 1, phân bố ở tất cả các tác phẩm được khảo sát với năm kiểu cấu trúc: $r1 \leftarrow p1, p2... \rightarrow r2$; $p1, p2... \rightarrow r1, r2$; $r1, r2 \leftarrow p1, p2...$; $p1 \rightarrow r1, p2 \rightarrow r2,...$; $p1 \rightarrow r1, r2 \leftarrow p2$. Trong đó, lập luận có cấu trúc $r1 \leftarrow p1, p2... \rightarrow r2$, xuất hiện nhiều nhất với tần số 180 lần (chiếm 47,62%). Xét ví dụ sau:

Ví dụ 1: “*Thanh: Đại đội trưởng công binh Hoàng Việt, anh cho gọi tôi lên mà chưa giao nhiệm vụ gì.*”

Hoàng Việt: Có đấy (r1). Tôi cho mời Thanh lên, chỉ với mục đích là muốn Thanh chứng kiến (p1). Mọi sự... Thanh thấy thế nào? (r2) (Luu Quang Vũ, 2013:258).

Lập luận của nhân vật Hoàng Việt (trong tác phẩm “Tôi và chúng ta”) trên đây có cấu tạo: $r1 \leftarrow p1 \rightarrow r2$. Kết luận $r1$ là lời khẳng định, là câu trả lời cho câu hỏi trước đó của nhân vật Thanh. Luận cứ $p1$ là lời giải thích cho kết luận $r1$, đồng thời dẫn dắt tới kết luận $r2$ là một yêu cầu hỏi ý kiến.

Kết quả phân tích cho thấy, ở các lập luận có cấu trúc $r1 \leftarrow p1, p2... \rightarrow r2$ thì $r1$ thường đóng vai trò khẳng định hoặc phủ định lập luận ở lượt lời trước đó, đồng thời có giá trị đóng vai trò liên kết các lập luận, và dẫn dắt vận động kịch. Bởi, từ $r1$, các dẫn chứng $p1, p2$ vừa làm sáng tỏ $r1$ vừa dẫn dắt đến $r2$.

Xếp thứ hai, sau cấu trúc $r1 \leftarrow p1, p2... \rightarrow r2$, là các lập luận có cấu trúc $p1, p2... \rightarrow r1, r2$, dạng này xuất hiện với tần số 151 lần (chiếm tỉ lệ 39,95%). Ví dụ:

Ví dụ 2: “*Cô bé: - Họa chăng chỉ có mấy con khi nó nhòm...(p) Buồn quá thủ trưởng ạ... (r1) Thủ trưởng có thích được là... là khi không? (r2) (Các cô gái lại cười)*” (Luu Quang Vũ, 2013, tr.316).

Nhân vật Cô bé - một nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm “Điều không thể mất” đã đưa ra một lập luận rất dí dỏm, thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời của những người lính nơi chiến trường ác liệt. Lập luận này có cấu trúc $p \rightarrow r1 \rightarrow r2$.

Các lập luận có cấu trúc này thể hiện sự chặt chẽ trong lập luận. Để hướng tới một đích, người lập luận đưa ra các dẫn chứng và khái quát thành kết luận, thể hiện tính tăng bậc của kết luận. Kết luận $r2$ là kết luận chung, bao quát của cả lập luận.

Cùng là lập luận thể hiện rõ sự tăng bậc của kết luận, song, với dạng $p1, p2... \rightarrow r1, r2$ thì từ các luận cứ đi đến kết luận, còn lập luận dạng $r1, r2 \leftarrow p1, p2...$ lại xuất phát từ các kết luận, nhân vật đưa ra các kết luận sau đó mới đưa ra các luận cứ để giải thích, chứng minh.

Ví dụ 3: “*Khánh: Không tuyệt lắm đâu! (r1) Tôi biết là các anh còn đang rất nhiều khó khăn. Các anh còn quá vụng về trong nhiều việc. (r2) Ví dụ: Khâu vật tư, nguyên liệu. Tại sao lại không thể nhờ ngay những cơ sở đến đặt hàng với ta? Nguyên liệu không thiếu, chỉ sợ các anh mua với giá rẻ mạt nên chẳng ai thèm bán cho các anh! (p1)*”. (Luu Quang Vũ, 2013, tr.297).

Nhân vật Khánh trong vở “Tôi và chúng ta” đã đưa ra một lập luận phức, mở đầu bằng chuỗi các kết luận, sau đó đưa ra dẫn chứng minh họa. Kết luận $r1$, phủ định kết luận của người đối thoại: “Không tuyệt lắm đâu”, tiếp đó là kết luận $r2$: “Tôi biết là các anh còn đang rất nhiều khó khăn. Các anh còn quá vụng về trong nhiều việc”. Các kết luận trên được minh chứng bằng luận cứ $p1$: “Ví dụ: Khâu vật tư, nguyên liệu. Tại sao lại không thể nhờ ngay những cơ sở đến đặt hàng với ta? Nguyên liệu không thiếu, chỉ sợ các anh mua với giá rẻ mạt nên chẳng ai thèm bán cho các anh!”.

Các lập luận có dạng $p1 \rightarrow r1, p2 \rightarrow r2,...$ là các lập luận có cấu trúc song song, luận cứ thứ nhất đưa đến kết luận thứ nhất và luận cứ thứ hai, dẫn đến kết luận thứ hai:

Ví dụ 4: “Nguyễn Huệ: (Đầu cúi gằm, lặng đi một lát, rồi từ từ ngẩng đầu lên, nhìn tướng sĩ) - Ngay ngày mai, ta sẽ cử hành lễ châu yết vua Lê (p1) để nhà vua và trăm họ yên tâm. (r1) Còn với những kẻ tiếp tục dám cưỡng lại thời thế, chống lại ta, (p2) phải thẳng tay trừng trị, nghe chưa! (r2)” (Lưu Quang Vũ, 2013', tr.159)

Lập luận của nhân vật Nguyễn Huệ (Ngọc Hân công chúa) có kết cấu: $p1 \rightarrow r1, p2 \rightarrow r2$. Trong đó, luận cứ p1: “ngay ngày mai, sẽ cử hành lễ châu yết vua Lê” hướng đến kết luận r1: “để nhà vua và trăm họ yên tâm” và luận cứ p2: “với những kẻ tiếp tục dám cưỡng lại thời thế, chống lại ta” dẫn đến kết luận r2: “phải thẳng tay trừng trị, nghe chưa!”. Sau khi dẫn quân vào kinh thành Thăng Long, nhân dân trong kinh thành và hoàng tộc đều rất hoang mang, còn trong binh lính của mình, có một số binh sĩ đã phạm tội cướp bóc nhân dân. Trước tình hình đó, Nguyễn Huệ đã khẳng định rõ quan điểm của mình là muốn yên dân (r1) và sẽ trừng trị kẻ phạm tội (r2).

Lập luận dạng $p1 \rightarrow r1, r2 \leftarrow p2$, có tần số xuất hiện ít nhất (chiếm tỉ lệ 0,53%):

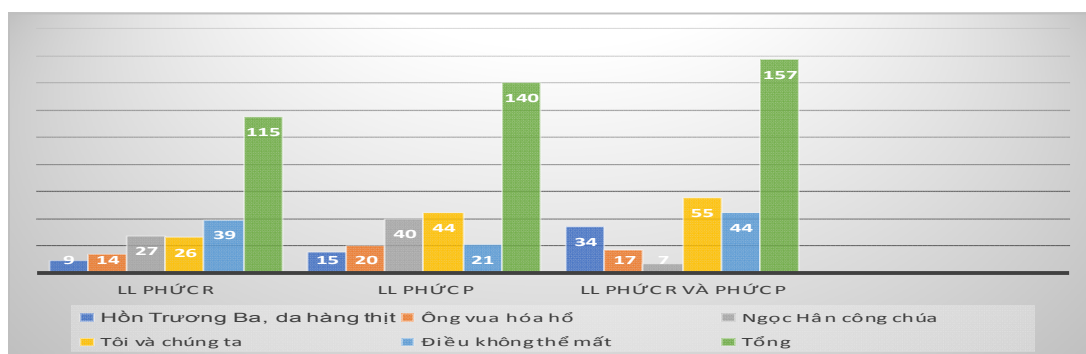
Ví dụ 5: “Thế Anh: Có gì viết thư báo tin cho mình nhé. (p1) Cứ gửi về đoàn kịch tình. (r1) Giờ mình phải đi đây. (r2) Bậy quá, vào gặp cậu được có một tí, lại cứ toàn kể những chuyện đầu đầu (p2).” (Lưu Quang Vũ, 2013, tr.342)

Lập luận trên của nhân vật Thế Anh (Điều không thể mất), có cấu trúc $p1 \rightarrow r1, r2 \leftarrow p2$, trong đó, “Có gì viết thư báo tin cho mình nhé” là luận cứ p1, đưa đến kết luận r1 là chỉ dẫn: “Cứ gửi về đoàn kịch tình” và kết luận r2, lời chào tạm biệt “giờ mình phải đi đây”. Cả hai kết luận r1, r2 đều khẳng định việc mong muốn được giữ liên lạc với bạn, muốn được nhận thư, được trò chuyện nhiều hơn nữa với người đồng chí, đồng đội đã lâu không gặp (Nhân vật Minh), Thế Anh đã đưa ra luận cứ p2, “Bậy quá, vào gặp cậu được có một tí, lại cứ toàn kể những chuyện đầu đầu”.

Sự đa dạng trong cấu tạo của các lập luận phức cho thấy dễ dẫn đến kết luận, tác giả đã sử dụng rất nhiều các cấu trúc, qua đó, tạo nên sự mới mẻ và tính hấp dẫn cho tác phẩm. Người đọc, người nghe, không dễ dàng đoán trước được nhân vật sẽ đưa ra lập luận như thế nào để thuyết phục đối phương.

3.2. Lập luận phức dạng 2 trong kịch Lưu Quang Vũ

Trong số liệu thống kê của chúng tôi, lập luận phức dạng 2 xuất hiện 412 trường hợp, chiếm 52,15% tổng số lập luận phức. Ở dạng này, ngay từ trong các thành phần của chúng đã tạo nên tính tăng bậc, phức hợp cho tổ chức lập luận. Đó có thể là những lập luận phức thành phần luận cứ, phức thành phần kết luận hay phức cả luận cứ và kết luận.



Lập luận phức thành phần luận cứ là lập luận có luận cứ được cấu tạo từ các lập luận. Xét ví dụ sau:

Ví dụ 6: “Ngọc Hân: (Nhếch mép)- Thế mà hay!(R) Giỏi cung kiếm, voi ngựa (p1) thì mới dễ chinh phục thiên hạ (r1), cần gì thi thư nghiên bút (r2). Dựa sức thần công, voi trận (p3) nên đại

quân Tây Sơn chiếm Thăng Long dễ như trở bàn tay (r3). Đất văn hiến này chẳng có gì để nộp Thượng công (p4), đành đưa đứa tiện nữ là Ngọc Hân này về làm tì thiếp cho người thắng trận (r4). Học cao, đức sâu thua lực mạnh, thua Thượng công!(R2)” (Lưu Quang Vũ, 2013, tr.174)

Có thể mô hình hóa lập luận của nhân vật Ngọc Hân như sau:

$$R1 \leftarrow (((p1 \rightarrow r1) \rightarrow r2, p3 \rightarrow r3, p4 \rightarrow r4) \rightarrow R2)$$

Qua phân tích, có thể thấy đây là một lập luận phức thể hiện tư duy khúc chiết, chặt chẽ, từ đó cho thấy Ngọc Hân là một nhân vật thông minh, sắc sảo và tài năng. Trong lập luận của mình, mở đầu Ngọc Hân công chúa đưa ra kết luận R là một lời khẳng định “Thế mà hay”, kết luận này bao trùm cả lập luận, để chứng minh cho kết luận, nhân vật đã đưa ra hàng loạt các luận cứ là các lập luận bộ phận (lập luận phức thành phần luận cứ). Luận cứ thứ nhất là một lập luận bộ phận gồm luận cứ p1: “giỏi cung kiếm, voi ngựa” và kết luận r1: “thì mới dễ chinh phục thiên hạ”, cả luận cứ và kết luận này dẫn đến kết luận r2: “cần gì thi thư nghiên bút”; Luận cứ thứ hai là lập luận gồm luận cứ p3: “dựa sức thần công, voi trận” và kết luận r3: “nên đại quân Tây Sơn chiếm Thăng Long dễ như trở bàn tay”; Luận cứ thứ ba là lập luận bộ phận bao gồm luận cứ p4: “Đất văn hiến này chẳng có gì để nộp Thượng công” và kết luận r4: “đành đưa đứa tiện nữ là Ngọc Hân này về làm tì thiếp cho người thắng trận”. Bốn luận cứ trên đưa đến kết luận R1: “Học cao đức sâu thua lực mạnh”.

Ví dụ 7: “Nam Tào: - Chúng tôi trót lầm...(P1) Vâng, nếu ông nhà mới chết có ba ngày trở xuống (P2) thì chúng tôi còn có thể gọi hồn cho ông ấy nhập vào xác được (r1) đăng này đã hai tuần (p3)... Xác ông ấy đã hỏng rồi (r3), chúng tôi không còn cách nào đành chịu thôi (r4)... Bà hiểu cho tôi. (R)” (Lưu Quang Vũ, 2013, tr.30)

Mong muốn nhận được sự cảm thông của Vợ Trương Ba, Nam Tào đưa ra lập luận có kết luận R: “Bà hiểu cho tôi” và các luận cứ thứ nhất P1: “chúng tôi trót lầm” đây là lời thú nhận đồng thời cũng là lời bào chữa, rằng lỗi lầm này là sự không mong muốn, “trót” chứ không phải cố tình. Luận cứ thứ hai P2 là một lập luận giả thiết không có thực được cấu tạo theo mô hình “nếu p thì r” trong đó luận cứ p2: “nếu ông nhà mới chết có ba ngày”, kết luận bộ phận r2 “thì chúng tôi còn có thể gọi hồn cho ông ấy nhập vào xác được”, luận cứ thứ ba P3 là hiện thực trái ngược với giả thiết ở luận cứ P2: gồm luận cứ bộ phận p3 “đăng này đã hai tuần” và kết luận r3 “xác ông ấy đã hỏng”, dẫn đến kết luận bộ phận r4: “chúng tôi không còn cách nào đành chịu thôi”. Lập luận này có thể được mô hình hóa như sau:

$$\begin{array}{l} P1 \\ p2 \rightarrow r2 \\ p3 \rightarrow r3 \rightarrow r4 \end{array} \quad \left. \vphantom{\begin{array}{l} P1 \\ p2 \rightarrow r2 \\ p3 \rightarrow r3 \rightarrow r4 \end{array}} \right\} R$$

Trong lập luận phức, nếu kết luận đứng đầu lập luận thì nó thường là kết luận của lập luận trước đó (lập luận của chính nhân vật hoặc nhân vật đang đối thoại), sau đó, các luận cứ được triển khai và dẫn dắt đến kết luận tiếp theo.

Ví dụ 8: “Mình: - Nhưng anh có làm điều gì xấu đâu.

Lệ: - Đúng, anh chỉ không làm gì cả(r). Nhưng không làm điều tốt, không đứng về phía điều tốt (p1), chính là làm điều xấu đấy(r1)! Lần này thì anh phải tỏ rõ thái độ (r2). Những người chính trực ở công ty đang trông chờ vào thái độ của anh, của ông phó tổng giám đốc, người mà họ tin (p2). Chẳng lẽ anh lại im lặng trước việc làm của ông tổng giám đốc, chẳng lẽ anh không thấy việc làm của tổng giám đốc là sai trái?(p3)”. (Lưu Quang Vũ, 2013, tr.367-368).

Lập luận của nhân vật Lệ là lập luận phức thành phần kết luận và thành phần luận cứ. Kết luận đầu tiên của lập luận r (“đúng, anh chỉ không làm gì cả”), là kết luận khẳng định lại lập luận trước đó của nhân vật Minh và từ đó nhân vật đưa ra luận cứ nghịch hướng với kết luận trên để đưa ra lập luận: p1 (“không làm điều tốt, không đứng về phía điều tốt”), r1 (“chính là làm điều xấu đấy”). Lập luận bộ phận này tạo thành luận cứ để dẫn đến kết luận R tổng, là kết luận của cả lập luận, và cũng được cấu tạo dưới dạng một lập luận bộ phận với kết cấu: r2 (“Lần này thì anh phải tỏ rõ thái độ”) với luận cứ p2 là một dẫn chứng rằng mọi người trong công ty đang rất “trông chờ vào thái độ của anh, của ông phó tổng giám đốc, người mà họ tin”.

4. Kết luận

Tóm lại, lập luận phức tạp chiếm tỉ lệ ít hơn so với lập luận đơn nhưng giá trị mà chúng mang lại cũng đóng vai trò rất quan trọng. Lập luận dạng này được đưa ra trong những tình huống tranh luận phức tạp, thể hiện cái nhìn nhiều chiều của nhân vật đồng thời, cũng bộc lộ tính cách của nhân vật, thể hiện chiều sâu trong tư duy của tác giả.

Kết quả khảo sát và phân loại theo tính phức hợp của lập luận trong lời thoại của các nhân vật cho thấy:

- Lập luận phức với tính phức hợp cao được sử dụng nhiều trong các tình huống phức tạp, khó thuyết phục, góp phần diễn tả những phức tạp trong tư duy hoặc tâm trạng nhân vật.

- Lập luận phức với một hệ thống luận cứ và kết luận tầng bậc (nhiều luận cứ, luận cứ có cấu tạo là một lập luận bộ phận, nhiều kết luận và kết luận cũng có thể có cấu tạo là một lập luận bộ phận) tạo nên tính chặt chẽ, kín kẽ của lập luận. Người đối thoại khó có thể tìm ra chỗ sơ hở của lập luận để bác bỏ. Điều đó tạo nên tính thuyết phục trong lời thoại của các nhân vật.

Như vậy, Lưu Quang Vũ sử dụng đồng thời cả lập luận đơn và lập luận phức trong các tác phẩm kịch của mình với những kiểu dạng phong phú, khác nhau. Các lập luận được sử dụng trong những hoàn cảnh, tình huống kịch và nhân vật kịch phù hợp, tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (1993), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2 - *Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lưu Khánh Thơ (Sưu tầm và biên soạn) (2001), *Lưu Quang Vũ - tài năng lao động và nghệ thuật*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

NGŨ LIỆU

Lưu Quang Vũ (2013), *Tuyển tập Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

Complex argumentation in dramas by Luu Quang Vu

Abstract: Arguments having two or more conclusions are called complex argumentation. To gain accurate and in-depth understanding of the meaning of complex argumentation, readers are required to analyze the argumentation carefully, meticulously, thoroughly, and scientifically. It is noteworthy that in complex argumentation, conclusions are often hidden. Therefore, to find the conclusions of complex argumentation, listeners and readers need to analyze and consider many relevant factors. Arguments in Luu Quang Vu's plays are highly complex and are used a lot in complicated and tough situations, which helps to contribute to expressing the complications in characters' thinking and psychology. Data analysis shows that 30.23% of the used arguments are complex argumentation with 2 typical types.

Key words: Argumentation; complex argumentation; argument; Luu Quang Vu; conclusion; etc.